TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2024/DS-PT
Ngày: 16/8/2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Ông Mai Hoàng Khải.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Bùi Thị Thanh Bạch, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST, ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2024/QĐ-PT ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Thu H, sinh năm 1976;
Địa chỉ: B, N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H:
Trương Thị Thanh T, sinh năm 1993; (có mặt)
Địa chỉ: C, H, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H:
Luật sư Dương Thị Lim L - Đoàn luật sư tỉnh T; (có mặt)
Địa chỉ: B - ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1966; (có mặt)
Nguyễn Thành L1, sinh năm 1962; (có mặt)
Nguyễn Hữu C, sinh năm 1988; (vắng mặt)
Nguyễn Quốc C1, sinh năm 2002; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của T1, L1:
Lâm Hữu N, sinh năm 1989; (có mặt)
Địa chỉ: 7 - T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Lê Hoàng T2, sinh năm 1972;
Lương Thị Cẩm V, sinh năm 1978;
Cùng địa chỉ: ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền anh T2, chị V:
Nguyễn Thị Hương T3, sinh năm 1982; (có mặt)
Địa chỉ: A, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Văn phòng C2 - tỉnh Tiền Giang; (vắng mặt)
Địa chỉ: C, H, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trần Thị Thu H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:* Chị T1 có vay tiền của chị nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 02/01/2020 vay 600.000.000 đồng; ngày 04/01/2020 vay 200.000.000 đồng; ngày 31/01/2020 vay 150.000.000 đồng và ngày 17/02/2020 vay 700.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.650.000.000 đồng. Ngày 07/4/2020 chị H và chị T1 thỏa thuận chuyển nhượng phần đất có diện tích 310m^2 (đã hiến 96m^2 đất, nên diện tích còn lại là 214m^2), thửa số 553, tờ bản đồ số 1, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giá chuyển nhượng là 1.300.000.000đồng, số tiền chuyển nhượng sẽ khấu trừ vào số tiền vay 1.650.000.000 đồng. Còn nợ lại 350.000.000 đồng;

Ngày 20/7/2020, chị T1 vay tiếp của chị H 700.000.000 đồng và ngày 06/02/2021 chị T1 vay của chị H 4.900.000.000 đồng.

Chị H yêu cầu: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng và văn bản thỏa thuận tài sản trên đất ngày 07/4/2020 giữa chị H và chị T1;

Chị T1, anh L1, anh C, anh C1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất;

Chị T1, anh L1, anh C, anh C1 giao nhà và đất trên cho chị H;

Chị T1 phải trả tổng số tiền vốn vay là 5.950.000.000đồng và tiền lãi, tiền lãi tính 1,66%/tháng, tính từ ngày 06/02/2021 đến khi xét xử.

Đối với phần đất mà chị T1 đã chuyển nhượng cho anh T2, chị T1 không đồng ý giao cho anh T2, do việc chuyển nhượng giữa chị T1 với anh T2 chỉ là giấy tay, còn đối với việc chuyển nhượng giữa chị T1 với chị H đã làm hợp đồng đúng quy định, có công chứng chứng thực.

**. Bà G là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Hồng T1, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Quốc C1 trình bày:* Trước đây, chị T1 có vay tiền của chị H nhiều lần, đến ngày 06/02/2021 hai bên chốt nợ và lập biên nhận với tổng số tiền 4.900.000.000 đồng trong đó vốn 3.900.000.000 đồng và lãi 1.000.000.000 đồng (lãi nhập vốn). Chị T1 chỉ đồng ý trả 4.900.000.000 đồng cho chị H.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2020, chị T1 có vay của chị H 1.300.000.000 đồng (trong số tiền vay 3.900.000.000 đồng), để đảm bảo số tiền vay chị T1 có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 310m^2 (đã hiến 96m^2 đất, nên diện tích còn lại là 214m^2), tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chị T1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2020, lý do vì đây là hợp đồng giả cách, giá trị quyền sử dụng đất theo như định giá cao hơn nhiều so với hợp đồng chuyển nhượng, không có việc chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng, chồng và con của chị T1 chỉ ủy quyền để cho chị T1 vay tiền Ngân hàng chứ không có ủy quyền chuyển nhượng và đồng thời yêu cầu chị H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh L1 đại diện hộ đứng tên.

Ngày 19/01/2012, chị T1 có chuyển nhượng cho anh T2 phần đất 60m^2, trong phần đất 310m^2 mà anh L1 đứng tên, với giá 270.000.000 đồng. Hai bên đã giao nhận tiền và đất xong. Chị T1 yêu cầu tách phần diện tích đất này ra.

**. Chị T3 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng T2, Lương Thị Cẩm V trình bày:* Ngày 19/01/2012, anh T2 có nhận chuyển nhượng phần đất 60m^2 của anh L1, với giá 270.000.000đồng, anh T2 đã giao đủ tiền (hai bên có lập giấy nhận tiền sang nhượng đất) và anh T2 đã nhận đất từ năm 2012 đến nay. Do trước đây diện tích đất không đủ để tách thửa nên không làm thủ tục được, anh T2 yêu cầu tách phần đất này ra, nếu sau này anh T2 và anh L1 có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

** Văn phòng C2 tỉnh Tiền Giang trình bày:* Văn phòng Công chứng có chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2020 số công chứng 2392, quyển số 03TP/CC-SCC-SCC/HĐGD và văn bản thỏa thuận về tài sản trên đất ngày 07/4/2020 số công chứng 2393, quyển số 03TP/CC-SCC-SCC/HĐGD giữa chị Trần Thị Thu H và chị Nguyễn Thị Hồng T1. Trình tự thủ tục phòng Công chứng thực hiện đúng theo ý chí, nguyện vọng của các bên tham gia giao dịch, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và đúng theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST, ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 117, 124, 131, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng và văn bản thỏa thuận tài sản trên đất ngày 07/4/2020 giữa chị H và chị T1. Yêu cầu chị T1, anh L1, anh C, anh C1 tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng và giao nhà và đất cho chị H.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2020 số công chứng 2392, quyển số 03TP/CC-SCC-SCC/HĐGD và văn bản thỏa thuận về tài sản trên đất ngày 07/4/2020 số công chứng 2393, quyển số 03TP/CC-SCC-SCC/HĐGD giữa chị Trần Thị Thu H và chị Nguyễn Thị Hồng T1.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng T1 trả cho Trần Thị Thu H 7.250.000.000 đồng tiền vốn vay và 4.693.650.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 11.943.650.000 đồng (mười một tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm năm chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc chị Trần Thị Thu H trả lại cho hộ anh Nguyễn Thành L1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 31848 QSDĐ do UBND huyện C cấp ngày 29/6/2004 cho hộ anh L1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1 phải chịu 119.943.650đồng án phí.

Chị H phải chịu 300.000đồng án phí, chị H đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004151 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như đã nộp xong.

H1 lại cho chị H 10.519.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004152 ngày 24/3/2022 và 57.408.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số theo biên lai thu số 0004153 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 24/5/2024, nguyên đơn Trần Thị Thu H kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, chị H yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận tài sản trên đất ngày 07/4/2020 giữa chị H và chị T1. Yêu cầu chị T1, anh L1, anh C, anh C1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhà, đất cho chị H;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Trần Thị Thu H đưa ra nhiều luận cứ cho rằng hợp đồng ủy quyền của anh L1 cho chị T1 là hoàn toàn phù hợp trong đó có ủy quyền việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2020 không vi phạm nội dung, hình thức của hợp đồng, tuân thủ đúng quy định pháp luật nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần trách nhiệm liên đới của anh L1, chị T1 và các thành viên trong hộ về hợp đồng vay tài sản;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đưa ra nhiều lập luận đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của anh T2, chị V đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, điều chỉnh bản án dân sự sơ thẩm về hợp đồng vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 500 và Điều 463 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 24/5/2024 của người kháng cáo thì người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh C, anh C1 và đại diện Văn phòng C2 vắng mặt, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị Thu H về việc chị H yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận tài sản trên đất ngày 07/4/2020 giữa chị H và chị T1. Yêu cầu chị T1, anh L1, anh C, anh C1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhà, đất cho chị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định:

"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2020 giữa chị T1 với chị H là giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản cho nên theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự hợp đồng này vô hiệu";

Nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2020 giữa chị Trần Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Hồng T1 vô hiệu theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản là có căn cứ;

Bởi vì:

Căn cứ vào các biên nhận thể hiện chị Nguyễn Thị Hồng T1 đã nhiều lần vay tiền của chị Trần Thị Thu H như sau: Biên nhận ngày 02/01/2020 số tiền vay 600.000.000 đồng; Biên nhận ngày 04/01/2020 số tiền vay 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 31/01/2020 số tiền vay 150.000.000 đồng; Biên nhận ngày 17/02/2020 số tiền vay 700.000.000 đồng; Biên nhận ngày 20/7/2020 số tiền vay 700.000.000 đồng; Biên nhận ngày 06/02/2021 số tiền vay 4.900.000.000 đồng. Tổng cộng là 7.250.000.000 đồng;

Căn cứ vào lời thừa nhận của chị H, chị T1 thì chị H có cho chị T1 vay nhiều lần tiền như sau: Ngày 02/01/2020, vay 600.000.000 đồng; Ngày 04/01/2020, vay 200.000.000 đồng; Ngày 31/01/2020, vay 150.000.000 đồng và ngày 17/02/2020, vay 700.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.650.000.000 đồng. Ngày 07/4/2020 chị H và chị T1 thỏa thuận chuyển nhượng phần đất có diện tích 310m^2, thửa số 553, tờ bản đồ số 1, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giá chuyển nhượng là 1.300.000.000 đồng, số tiền chuyển nhượng sẽ khấu trừ vào số tiền vay 1.650.000.000 đồng;

Ngoài ra, căn cứ vào biên nhận 06/02/2021, trong nội dung biên nhận thể hiện "Khi nào chị T1 bán được nhà sẽ trả nợ cho chị H";

Nên có căn cứ xác định, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 07/4/2020 nhằm để che giấu các khoản vay vào các ngày 02/01/2020, ngày 04/01/2020, ngày 31/01/2020 và ngày 17/02/2020;

Do đó, cần tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận tài sản trên đất ngày 07/4/2020 vô hiệu là phù hợp và các hợp đồng vay tài sản vào các ngày: Ngày 02/01/2020, ngày 04/01/2020, ngày 31/01/2020 và ngày 17/02/2020 vẫn phát sinh hiệu lực;

Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp quy định pháp luật;

Tuy nhiên, các đương sự không kháng cáo về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với khoản tiền vay 7.250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nên phần này đã phát sinh hiệu lực pháp luật nhưng liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất;

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà T1 trả số tiền vay cho chị H là chưa phù hợp;

Bởi vì:

Anh L1 biết việc vay tiền giữa chị T1 với chị H và có văn bản ủy quyền cho chị T1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo số nợ vay. Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung của vợ chồng cho nên cần buộc anh L1, chị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho H số tiền vay 7.250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 4.693.650.000 đồng. Tổng cộng là 11.943.650.000 đồng;

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét;

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Thu H;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Xét đơn xin miễn án phí của chị Nguyễn Thị Hồng T1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn xem xét về trách nhiệm liên đới của bị đơn có một phần căn cứ.

[5]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 117, 124, 131, 463, 466, 468, 469, 500 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Thu H.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST, ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H về việc yêu cầu: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, văn bản thỏa thuận tài sản trên đất ngày 07/4/2020 giữa chị Trần Thị Thu H và chị Nguyễn Thị Hồng T1; Chị T1, anh L1, anh C, anh C1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhà, đất cho chị H;

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2020 số công chứng 2392, quyển số 03TP/CC-SCC-SCC/HĐGD và văn bản thỏa thuận về tài sản trên đất ngày 07/4/2020 số công chứng 2393, quyển số 03TP/CC-SCC-SCC/HĐGD giữa chị Trần Thị Thu H và chị Nguyễn Thị Hồng T1 vô hiệu;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H về hợp đồng vay tài sản;

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng T1, anh Nguyễn Thành L1 có trách nhiệm liên đới trả cho Trần Thị Thu H số tiền vốn vay 7.250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 4.693.650.000 đồng. Tổng cộng là 11.943.650.000 đồng (mười một tỉ, chín trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày chị Trần Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Hồng T1, anh Nguyễn Thành L1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị H thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Buộc chị Trần Thị Thu H trả lại cho anh Nguyễn Thành L1, chị Nguyễn Thị Hồng T1 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 31848QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/6/2004 cho hộ anh Nguyễn Thành L1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng T1, anh Nguyễn Thành L1 có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 119.943.650 đồng.

Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004151 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Trả lại chị Trần Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị H đã nộp 10.519.000 đồng theo biên lai thu số 0004152, ngày 24/3/2022 và 57.408.000 đồng theo biên lai thu số 0004153, ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011336 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***. Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu